

THÔNG TƯ

**Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật
về sản xuất chương trình phát thanh**

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Báo chí ngày 05 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 17/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính,

Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật về sản xuất chương trình phát thanh.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Định mức kinh tế - kỹ thuật về sản xuất chương trình phát thanh.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Định mức kinh tế - kỹ thuật về sản xuất chương trình phát thanh ban hành kèm theo Thông tư này quy định các mức hao phí tối đa trực tiếp trong sản xuất chương trình phát thanh, bao gồm: Hao phí về nhân công (chưa bao gồm hao phí về di chuyển ngoài phạm vi địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương mà cơ quan sản xuất chương trình phát thanh đóng trụ sở); Hao phí về máy móc thiết bị; Hao phí về vật liệu sử dụng trong sản xuất chương trình phát thanh, đảm bảo chương trình đủ điều kiện phát sóng hoặc đăng tải lên mạng Internet theo quy định của pháp luật về báo chí.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ quan, tổ chức thuộc đối tượng áp dụng Định mức kinh tế - kỹ thuật về sản xuất chương trình phát thanh ban hành kèm theo Thông tư này bao gồm:

- Các cơ quan, tổ chức sử dụng ngân sách nhà nước để sản xuất chương trình phát thanh;

- Các cơ quan báo chí được cấp phép hoạt động phát thanh sử dụng ngân sách nhà nước để sản xuất chương trình phát thanh.

b) Các cơ sở truyền thanh – truyền hình cấp huyện, gồm: Đài Truyền thanh, đài truyền thanh – truyền hình cấp huyện, Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao, Trung tâm Truyền thông và Văn hóa cấp huyện có hoạt động sản xuất chương trình phát thanh sử dụng ngân sách nhà nước thì áp dụng định mức do cơ quan có thẩm quyền tại địa phương ban hành theo hướng dẫn tại mục 3, phần V, Chương I của định mức ban hành kèm theo Thông tư này.

c) Khuyến khích cơ quan, tổ chức không sử dụng ngân sách nhà nước để sản xuất các chương trình phát thanh áp dụng Định mức kinh tế - kỹ thuật ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 08 tháng 6 năm 2020.

2. Căn cứ định mức kinh tế - kỹ thuật về sản xuất chương trình phát thanh ban hành kèm theo Thông tư này, các bộ, cơ quan Trung ương, địa phương quy định áp dụng các định mức cụ thể về sản xuất chương trình phát thanh do cơ quan báo chí thực hiện phù hợp với điều kiện thực tế và không vượt quá định mức quy định tại Thông tư này.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Bộ Thông tin và Truyền thông để xem xét, giải quyết. /

Nơi nhận:

- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Quốc hội;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Bộ TTTT: Bộ trưởng và các Thứ trưởng, các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, Công TTĐT Bộ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Sở TTTT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các cơ quan báo nói;
- Công báo, Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Lưu: VT, KHTC.

BỘ TRƯỞNG



Nguyễn Mạnh Hùng

MỤC LỤC

Chương 1	1
HƯỚNG DẪN CHUNG	1
Chương 2	10
ĐỊNH MỨC SẢN XUẤT CÁC CHƯƠNG TRÌNH PHÁT THANH.....	10
13.01.00.00.00 Bản tin thời sự.....	10
13.01.00.01.00 Bản tin thời sự trực tiếp	10
13.01.00.02.00 Bản tin thời sự ghi âm phát sau	15
13.02.00.00.00 Bản tin chuyên đề ghi âm phát sau	20
13.03.00.00.00 Bản tin tiếng dân tộc	25
13.04.00.00.00 Chương trình thời sự tổng hợp	27
13.04.00.01.00 Chương trình thời sự tổng hợp trực tiếp.....	27
13.04.00.02.00 Chương trình thời sự tổng hợp ghi âm phát sau	31
13.05.00.00.00 Chương trình tiếng nước ngoài.....	34
13.05.01.01.00 Bản tin thời sự tiếng nước ngoài trực tiếp	34
13.05.01.02.00 Bản tin thời sự tiếng nước ngoài ghi âm phát sau	36
13.05.02.00.00 Bản tin chuyên đề tiếng nước ngoài.....	37
13.05.03.00.00 Chương trình thời sự tổng hợp tiếng nước ngoài ghi âm phát sau.....	38
13.06.00.00.00 Bản tin thời tiết	39
13.07.00.00.00 Chương trình tư vấn.....	40
13.07.00.01.00 Chương trình tư vấn trực tiếp.....	40
07.00.02.00 Chương trình tư vấn phát sau.....	42
13.08.00.00.00 Chương trình tọa đàm	43
13.08.00.01.00 Chương trình tọa đàm trực tiếp	43
13.08.00.02.00 Chương trình tọa đàm ghi âm phát sau	47
13.09.00.00.00 Chương trình tạp chí.....	50
10.00.00.00 Chương trình điểm báo	56
10.00.01.00 Chương trình điểm báo trong nước trực tiếp.....	56
10.00.02.00 Chương trình điểm báo trong nước phát sau	57
13.11.00.00.00 Phóng sự	58
13.11.01.00.00 Phóng sự chính luận.....	58
13.11.02.00.00 Phóng sự chân dung.....	60
13.11.03.00.00 Phóng sự điều tra	62

13.12.00.00.00	Chương trình tường thuật trực tiếp trên sóng phát thanh	64
13.13.00.00.00	Chương trình giao lưu	66
13.13.00.01.00	Chương trình giao lưu trực tiếp	66
13.13.00.02.00	Chương trình giao lưu ghi âm phát sau	70
13.14.00.00.00	Chương trình bình luận.....	73
13.15.00.00.00	Chương trình xã luận	74
13.16.00.00.00	Tiểu phẩm	75
13.17.00.00.00	Game show	77
13.17.00.10.00	Game show phát trực tiếp	77
13.17.00.20.00	Game show phát sau	78
13.18.00.00.00	Biên tập kịch truyền thanh.....	79
13.19.00.00.00	Biên tập ca kịch.....	81
13.20.00.00.00	Thu tác phẩm mới.....	82
13.20.10.00.00	Thu truyện.....	82
13.20.20.00.00	Thu thơ, thu nhạc.....	83
13.21.00.00.00	Độc truyện	84
13.22.00.00.00	Phát thanh văn học	86
13.23.00.00.00	Bình truyện	88
13.24.00.00.00	Trả lời thính giả ghi âm phát sau	89
13.24.10.00.00	Trả lời thính giả dạng điều tra	89
13.24.20.00.00	Trả lời thính giả dạng không điều tra	91
13.25.00.00.00	Chương trình phổ biến kiến thức.....	93
13.25.10.00.00	Chương trình dạy Tiếng Việt.....	93
13.25.20.00.00	Chương trình dạy tiếng nước ngoài.....	94
13.25.30.00.00	Chương trình dạy học hát	94
13.25.40.00.00	Chương trình dạy học chuyên ngành.....	96
13.26.00.00.00	Biên tập bộ nhạc hiệu, nhạc cắt chương trình	96
13.27.00.00.00	Show phát thanh	97
13.27.00.01.00	Show phát thanh trực tiếp.....	97
13.27.00.02.00	Show phát thanh phát sau	108
PHỤ LỤC		112

**ĐỊNH MỨC KINH TẾ-KỸ THUẬT
VỀ SẢN XUẤT CHƯƠNG TRÌNH PHÁT THANH**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 69/2020/TT-BTTTT ngày 27 tháng 4 năm 2020
của Bộ Thông tin và Truyền thông)*

**Chương 1
HƯỚNG DẪN CHUNG**

I. Giải thích từ ngữ

Trong định mức các từ ngữ này được hiểu như sau:

1. "Chương trình phát thanh" là tập hợp các tin, bài trên báo nói theo một chủ đề trong thời lượng nhất định, có dấu hiệu nhận biết mở đầu và kết thúc.

2. "Tư liệu khai thác" bao gồm:

Các chương trình phát thanh đã phát sóng được khai thác, sử dụng lại một phần trong sản xuất chương trình mới;

Các tư liệu âm thanh do đơn vị sản xuất hoặc của các đơn vị khác sản xuất được sử dụng cho việc sản xuất chương trình phát thanh mới.

3. "Khung bản tin thời sự" là danh mục tin, bài, phóng sự ngắn,... được phát trong chương trình thời sự.

4. "Bản tin thời sự" là chương trình phát thanh bao gồm những tin, bài trong nước và quốc tế; mang tính chất cập nhật những sự kiện đơn lẻ, mới diễn ra tại thời điểm đưa tin.

5. "Bản tin chuyên đề" là chương trình phát thanh bao gồm các tin, bài mang tính chuyên sâu về một lĩnh vực như: văn hóa, kinh tế,...

6. "Bản tin thời sự tiếng nước ngoài" là chương trình phát thanh bao gồm các tin, phóng sự đã có, được biên tập, biên dịch sang tiếng nước ngoài.

7. "Chương trình thời sự tổng hợp" là chương trình phát thanh đề cập nội dung, chủ đề về sự kiện, lĩnh vực xã hội quan tâm và có hình thức thể hiện đa dạng, phong phú.

8. "Bản tin thời tiết" là chương trình phát thanh về nội dung thời tiết.